

Số: /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP, Nghị định số 42/2026NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP, Nghị định số 42/2026NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng.

Điều 2. Cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng

Cấp dự báo cháy rừng gồm 05 cấp, từ cấp I đến cấp V; ký hiệu biển báo cấp cháy rừng và chi tiết quy định về cấp dự báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

số 58/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP, Nghị định số 42/2026NĐ-CP.

2. Các bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Các bảng tra cấp dự báo cháy rừng được quy định chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt cấp dự báo cháy rừng, các bảng tra cấp dự báo cháy rừng, các xã trọng điểm và thời gian cao điểm xảy ra cháy rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 15 Mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Gia Long

Phụ lục I
CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Cấp cháy	Đặc trưng cháy rừng
I	Cấp thấp: Ít có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo mũi tên chỉ số I.
II	Cấp trung bình: Có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo mũi tên chỉ số II.
III	Cấp cao: Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng. Chú trọng phòng cháy các loại rừng Thông, Keo, Bạch đàn, Tre nứa,... Khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo mũi tên chỉ số III.
IV	Cấp nguy hiểm: Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài, có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo mũi tên chỉ số IV.
V	Cấp cực kỳ nguy hiểm: Thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng. Rất nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài có khả năng cháy lớn ở tất cả các loại rừng, tốc độ lửa lan tràn rất nhanh, trên biển báo mũi tên chỉ số V.

Phụ lục II
CẤP DỰ BÁO NGUY CƠ CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ P

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Bảng tra cứu chỉ số hiệu chỉnh (Phc) và cấp nguy cơ cháy rừng theo chỉ số khí tượng tổng hợp P

P tính theo thời tiết	Nhóm trạng thái rừng III		Nhóm trạng thái rừng II		Nhóm trạng thái rừng I		Tổng hợp	
	P_{hc}	CNCC	P_{hc}	CNCC	P_{hc}	CNCC	P_{hc}	CNCC
500	506	I	532	I	557	I	531	I
1000	1012	II	1065	II	1114	II	1062	II
1200	1215	II	1278	II	1336	II	1274	II
1400	1417	II	1491	II	1559	II	1486	II
1600	1619	III	1704	III	1782	III	1699	III
1800	1822	III	1917	III	2004	III	1911	III
2000	2024	III	2130	III	2227	III	2123	III
2200	2227	III	2343	III	2450	III	2335	III
2400	2429	III	2556	III	2673	III	2548	III
2600	2632	III	2769	III	2895	III	2760	III
2800	2834	III	2982	III	3118	III	2972	III
3000	3036	IV	3195	IV	3341	IV	3185	IV
3200	3239	IV	3408	IV	3563	IV	3397	IV
3400	3441	IV	3621	IV	3786	IV	3609	IV
3600	3644	IV	3834	IV	4009	IV	3822	IV
3800	3846	IV	4047	IV	4232	IV	4034	IV
4000	4049	IV	4260	IV	4454	IV	4246	IV
4200	4251	IV	4473	IV	4677	IV	4459	IV
4400	4453	IV	4686	IV	4900	IV	4671	IV
4600	4656	IV	4899	IV	5122	IV	4883	IV
4800	4858	IV	5112	IV	5345	IV	5096	IV
5000	5061	V	5325	V	5568	V	5308	V

2. Bảng tra ngưỡng giá trị chỉ số khí tượng sau hiệu chỉnh (P_{hc}) phân theo cấp dự báo cháy rừng

Cấp cháy rừng	Nhóm trạng thái rừng III	Nhóm trạng thái rừng II	Nhóm trạng thái rừng I	Tổng hợp
	0,988	0,939	0,898	0,942
I	$P_{hc} < 506$	$P_{hc} < 532$	$P_{hc} < 557$	$P_{hc} < 531$
II	$506 < P_{hc} < 1417$	$506 < P_{hc} < 1491$	$506 < P_{hc} < 1559$	$506 < P_{hc} < 1486$
III	$1417 < P_{hc} < 2834$	$1491 < P_{hc} < 2982$	$1559 < P_{hc} < 3118$	$1486 < P_{hc} < 2972$
IV	$2834 < P_{hc} < 4858$	$2982 < P_{hc} < 5112$	$3118 < P_{hc} < 5345$	$2972 < P_{hc} < 5096$
V	$P_{hc} > 4858$	$P_{hc} > 5112$	$P_{hc} > 5345$	$P_{hc} > 5096$

Ghi chú:

- Công thức tính:

$$P_{hc} = \frac{P}{K_i}$$

Trong đó:

P_{hc} : Chỉ số khí tượng tổng hợp Nesterov sau hiệu chỉnh.

P : Chỉ số khí tượng tổng hợp Nesterov.

K_i : Hệ số điều chỉnh theo trạng thái rừng (Nhóm trạng thái rừng III $K_i = 0,988$; Nhóm trạng thái rừng II $K_i = 0,939$, Nhóm trạng thái rừng I $K_i = 0,898$; Tổng hợp $K_i = 0,942$).

CNCC: Cấp nguy cơ cháy.

- Nhóm trạng thái rừng I bao gồm: Rừng giàu, rừng trung bình; Nhóm trạng thái rừng II bao gồm: rừng phục hồi, rừng nghèo, rừng hỗn giao, rừng trồng hỗn loài; Nhóm trạng thái rừng III bao gồm: rừng tre nứa, rừng trên núi đá, các trạng thái rừng trồng thuần loài; Tổng hợp: sử dụng chung cho toàn tỉnh.

Phụ lục III
BẢNG TRA CHỈ SỐ PI THEO ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT LÚC 13 GIỜ HÀNG NGÀY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

T°	W %																					e _s (T)
	100	95	90	85	80	75	70	65	60	55	50	45	40	35	30	25	20	15	10	5	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	1	1	2	3	4	4	5	6	6	7	8	8	9	10	11	11	12	13	13	14	7
4	0	2	3	5	7	8	10	11	13	15	16	18	20	21	23	24	26	28	29	31	33	8
6	0	3	6	8	11	14	17	20	22	25	28	31	34	36	39	42	45	48	50	53	56	9
8	0	4	9	13	17	21	26	30	34	39	43	47	51	56	60	64	69	73	77	81	86	11
10	0	6	12	18	25	31	37	43	49	55	61	67	74	80	86	92	98	104	110	117	123	12
12	0	8	17	25	34	42	50	59	67	76	84	93	101	109	118	126	135	143	151	160	168	14
14	0	11	22	34	45	56	67	78	89	101	112	123	134	145	157	168	179	190	201	212	224	16
16	0	15	29	44	58	73	87	102	116	131	145	160	174	189	203	218	233	247	262	276	291	18
18	0	19	37	56	74	93	111	130	149	167	186	204	223	241	260	278	297	316	334	353	371	21
20	0	23	47	70	93	117	140	164	187	210	234	257	280	304	327	351	374	397	421	444	467	23
22	0	29	58	87	116	145	174	203	233	262	291	320	349	378	407	436	465	494	523	552	581	26
24	0	36	72	107	143	179	215	251	286	322	358	394	430	465	501	537	573	609	644	680	716	30
26	0	44	87	131	175	218	262	306	350	393	437	481	524	568	612	655	699	743	787	830	874	34
28	0	53	106	159	212	265	318	371	423	476	529	582	635	688	741	794	847	900	953	1006	1059	38
30	0	64	127	191	255	318	382	446	509	573	637	701	764	828	892	955	1019	1083	1146	1210	1274	42
32	0	76	152	228	305	381	457	533	609	685	761	838	914	990	1066	1142	1218	1295	1371	1447	1523	48
34	0	91	181	272	362	453	543	634	724	815	905	996	1087	1177	1268	1358	1449	1539	1630	1720	1811	53
36	0	107	214	321	428	536	643	750	857	964	1071	1178	1285	1393	1500	1607	1714	1821	1928	2035	2142	60
38	0	126	252	378	505	631	757	883	1009	1135	1261	1388	1514	1640	1766	1892	2018	2144	2271	2397	2523	66
40	0	148	296	444	592	739	887	1035	1183	1331	1479	1627	1775	1923	2071	2218	2366	2514	2662	2810	2958	74
42	0	173	345	518	691	864	1036	1209	1382	1554	1727	1900	2073	2245	2418	2591	2763	2936	3109	3282	3454	82
44	0	201	402	603	804	1005	1206	1407	1607	1808	2009	2210	2411	2612	2813	3014	3215	3416	3617	3818	4019	91
46	0	233	466	699	932	1165	1398	1631	1864	2097	2330	2562	2795	3028	3261	3494	3727	3960	4193	4426	4659	101
48	0	269	538	808	1077	1346	1615	1884	2153	2423	2692	2961	3230	3499	3768	4038	4307	4576	4845	5114	5384	112
50	0	310	620	930	1240	1550	1860	2170	2480	2791	3101	3411	3721	4031	4341	4651	4961	5271	5581	5891	6201	124

Ghi chú 1: W% là độ ẩm không khí lúc 13 giờ (%); T° là nhiệt độ không khí lúc 13 giờ (độ C)

Ghi chú 2: Cách sử dụng bảng tra chỉ số P_i để xác định chỉ số P tổng hợp và xác định cấp dự báo cháy rừng như sau:

$$P_i = K \times \sum_{i=1}^n T_{i13} \times D_{i13}$$

Trong đó:

- P_i là chỉ tiêu tổng hợp đánh giá mức nguy hiểm của cháy rừng ngày thứ i .
- K là hệ số điều chỉnh theo lượng mưa ngày i .
 - + $K = 1$ khi lượng mưa ngày nhỏ hơn 5 mm.
 - + $K = 0$ khi lượng mưa ngày lớn hơn hoặc bằng 5 mm, hoặc có đợt mưa phùn kéo dài từ 3 đến 5 ngày, lượng mưa mặc dù chưa đạt 5 mm nhưng K vẫn bằng 0.
- n là số ngày không mưa hoặc có lượng mưa < 5 mm kể từ ngày mưa với lượng mưa ≥ 5 mm.
- T_{i13} là nhiệt độ không khí đo lúc 13 giờ ($^{\circ}\text{C}$) ngày thứ i (Nhiệt độ không khí lúc 13 giờ là giờ cao điểm dễ xảy ra cháy rừng trong ngày. Nhiệt độ lúc 13 giờ được xác định từ các trạm quan trắc khí tượng của các đơn vị (nếu có) hoặc/và kế thừa từ Đài khí tượng thủy văn các tỉnh, các Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia).
- D_{i13} là độ chênh lệch bão hoà độ ẩm không khí lúc 13 giờ 00 ngày thứ i (hPa) (Độ chênh lệch bão hoà độ ẩm không khí lúc 13 giờ (D_{i13}) được xác định từ số liệu tại các trạm quan trắc khí tượng của các đơn vị (nếu có) hoặc kế thừa từ Đài khí tượng thủy văn các tỉnh, các Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia), được tính toán theo các công thức sau đây:

$$D = e_s(T) - e$$

Trong đó:

- $e_s(T)$ Áp suất hơi bão hòa ở nhiệt độ T (hPa):

$$e_s(T) = 6,112 \times \text{Exp} \frac{(17,67 \times T)}{(T + 243,5)}$$

- + T : Nhiệt độ không khí ($^{\circ}\text{C}$)

- e : Áp suất hơi thực tế (hPa):

$$e = \frac{RH}{100} \times e_s(T)$$

- +RH: độ ẩm tương đối (%)

- Ngày thứ nhất không có mưa (kể từ trận mưa hôm trước), căn cứ vào nhiệt độ (T°) và độ ẩm không khí ($W\%$) để tra giá trị P_i . Ví dụ: $T^{\circ} = 28$ và $W\% = 60$ ta tra bảng ở Phụ lục 3 suy ra $P_i = 423$. Tra bảng ở Phụ lục II ta được cấp nguy cơ cháy là cấp I (Thấp).

- Nếu ngày thứ hai không có mưa (kể từ trận mưa gần nhất), căn cứ vào nhiệt độ (T°) và độ ẩm không khí ($W\%$) để tra giá trị P_i . Ví dụ: $T^{\circ} = 30$ và $W\% = 55$ ta tra bảng ở Phụ lục 3 được $P_i = 573$, suy ra $P_{\text{tổng}} = P_1 + P_2 = 996$. Tra bảng ở Phụ lục II ta được cấp nguy cơ cháy là cấp II (Trung bình).

- Nếu ngày thứ ba không có mưa (kể từ trận mưa gần nhất), căn cứ vào nhiệt độ (T°) và độ ẩm không khí ($W\%$) để tra giá trị P_i . Ví dụ: $T^{\circ} = 32$ và $W\% = 50$ ta tra bảng ở Phụ lục 3 được $P_i = 761$, Suy ra $P_{\text{tổng}} = P_1 + P_2 + P_3 = 1.757$. Tra bảng ở Phụ lục II ta được cấp nguy cơ cháy là cấp III (Cao).

- Cứ tiếp tục cộng dồn chỉ số P cho đến khi có trận mưa tiếp theo, lúc đó P quay về giá trị $= 0$.

Phụ lục IV
CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG ÁP DỤNG CHO BIÊN CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG TỰ ĐỘNG THEO THỜI TIẾT TẠI VỊ TRÍ ĐẶT BIÊN LÚC 13 GIỜ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Phương pháp tính cấp dự báo cháy rừng

Phương pháp áp dụng chỉ số I của Angstrom là chỉ số xác định khả năng xuất hiện cháy rừng.

Chỉ số I được tính theo công thức:

$$I = \frac{R}{20} + \frac{(27 - T)}{10}$$

Trong đó:

I: là chỉ số xác định khả năng cháy rừng.

T: là nhiệt độ lúc 13 giờ, đơn vị là °C.

R: là độ ẩm lúc 13 giờ, đơn vị là %.

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Cấp cháy	Chỉ tiêu I	Đặc trưng về cháy rừng
I	$I > 3.0$	Thấp
II	$2.0 < I \leq 3.0$	Trung bình
III	$1.2 < I \leq 2.0$	Cao
IV	$0.6 < I \leq 1.2$	Nguy hiểm
V	$I \leq 0.6$	Cực kỳ nguy hiểm